

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST.

Ngày 23/4/2020.

V/v “*Xin ly hôn và giải quyết nuôi con*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Huy Liệu

2/ Bà Phạm Hồng Gái

Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Thanh Sang - Thư ký
TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn đất tham phiên tòa: Ông
Nguyễn Minh Hậu - kiểm sát viên (vắng mặt).

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 34/2020/TLST-HNGĐ ngày 04/02/2020 về việc “*Xin ly hôn và giải quyết nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09/3/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Trần Thanh K**, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: số 32 Phạm Hồng Thái, khu phố 2, phường V, thành phố R, tỉnh K.

Bị đơn: Chị **Trần Thị Nh**, sinh năm 1984 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 8, khu phố Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Trần Thanh K trình bày như sau:**

- **Về hôn nhân:** Anh và chị Trần Thị Nh tự nguyện yêu thương nhau, anh chị tổ chức đám cưới vào năm 2009 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh Đông, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang vào ngày 07/11/2009. Trong quá trình chung sống với nhau anh chị sống hạnh phúc với nhau được khoảng 4 năm, đến năm thứ

5 thì vợ chồng bắt xảy ra mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi nhau. Từ đó anh đi làm ít về nhà hơn nên mâu thuẫn ngày càng nhiều làm cho tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được nữa. Hiện nay anh và chị Nh đã sống ly thân với nhau đã được hơn 01 năm. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Nh không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Nh.

- *Về con chung*: Có 02 người con chung tên Trần Quốc C, sinh ngày 07/5/2011 và Trần Kiến Q, sinh ngày 01/7/2018. Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao tiếp 02 người chung cho chị Nh được tiếp tục nuôi dưỡng (vì hiện nay cả 02 người con chung đang do chị Nh nuôi dưỡng) và anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Anh K không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- *Về nợ chung*: Anh K khai rằng anh và chị Nh không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* *Theo biên bản ghi lời khai của bị đơn chị Trần Thị Nh trình bày như sau*:

- *Về hôn nhân*: Chị và Anh K tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống với nhau có 02 người con chung đúng như Anh K trình bày. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 8/2017 thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do Anh K có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Từ đó làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp, thường xuyên cự cãi nhau. Đến tháng 8/2018 chị và Anh K đã ly thân nhau cho đến nay, trong thời gian sống ly thân chị và Anh K không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay Anh K yêu cầu ly hôn với chị thì chị cũng đồng ý.

- *Về con chung*: Có 02 người con chung tên Trần Quốc C, sinh ngày 07/5/2011 và Trần Kiến Q, sinh ngày 01/7/2018. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 người chung cho đến tuổi trưởng thành vì hiện nay cháu C và cháu Q đang do chị nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con thì chị không yêu cầu Anh K phải cấp dưỡng nuôi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Nh trình bày chị và Anh K không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn xin ly hôn của anh Trần Thanh K thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Hòn Đất nên thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thủ tục phiên tòa cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp theo đúng quy định của pháp luật nhưng Kiểm sát viên vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 232 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt Kiểm sát viên.

[3] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trần Thanh K và chị Trần Thị Nh đều trình bày quan hệ hôn nhân giữa anh chị được thiết lập vào năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn mà chủ yếu là do bất đồng về quan điểm sống; cũng như Anh K có trình bày trong cuộc sống vợ chồng, chị Nh có thái độ và lời nói không đúng chuẩn mực đối với anh nên tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Nh không còn được như trước; phía chị Nh thì cho rằng hôn nhân giữa chị và Anh K không còn hạnh phúc như trước là do Anh K đã có người phụ nữ khác bên ngoài và hiện tại chị và Anh K đã sống ly thân với nhau từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay. Trong suốt thời gian sống ly thân với nhau cả Anh K và chị Nh đều thừa nhận không còn qua lại hay quan tâm gì đến nhau nữa. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng tình cảm vợ chồng giữa Anh K và chị Nh không còn khả năng đoàn tụ, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa Anh K và chị Nh đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Anh K yêu cầu ly hôn thì được chị Nh đồng ý. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 55 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa Anh K và chị Nh.

- *Về quan hệ con chung:* Có 02 người con chung tên Trần Quốc C, sinh ngày 07/5/2011 và Trần Kiến Q, sinh ngày 01/7/2018.

Xét yêu cầu của chị Nh; Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Quốc C và cháu Trần Kiến Q của chị Nh là có cơ sở chấp nhận.

Bởi lẽ; cả 02 người con chung đều được chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng từ khi chị và Anh K sống ly thân với nhau cho đến nay; việc chị Nh yêu cầu nuôi dưỡng cả 02 người con chung cũng được Anh K đồng ý; đồng thời cũng theo nguyên vọng của cháu C là được ở với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, việc tiếp tục giao cháu Trần Quốc C và cháu Trần Kiến Q cho chị Nh tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Trần Quốc C và cháu Trần Kiến Q cho chị Nh tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị Nh không yêu cầu Anh K phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung*: Anh K và chị Nh đều xác nhận là không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí*: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Trần Thanh K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 232, 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 55, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Thanh K và chị Trần Thị Nh.

2/ Về quan hệ con chung: Giao cháu Trần Quốc C và cháu Trần Kiến Q cho chị Nh tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị Nh không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Trong thời gian chị Nh nuôi con chung, Anh K có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

Bảo lưu quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi một trong các bên có yêu cầu.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc anh Trần Thanh K phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: 0009263, ngày 09/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, Anh K không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị Trần Thị Nh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Hồng Điệp

